

CÂU HỎI ÔN TẬP MÔN ĐDCS

- Câu 1 :** Để đảm bảo nguyên tắc vô khuẩn, khi thay băng vết thương nên sử dụng:
- A. Một bộ băng thay cho một người bệnh có vết thương nhiễm trùng
 - B. Một bộ băng thay cho một người bệnh
 - C. Một bộ băng thay cho 2 người bệnh
 - D. Một bộ băng có thể thay cho nhiều người bệnh nhưng thay kèm tiếp liệu
- Câu 2 :** Trong kỹ thuật thay băng, rửa vết thương, thao tác gấp băng bản băng kèm sạch có ý nghĩa gì?
- A. Giảm nguy cơ lây nhiễm
 - B. Tránh chất dịch dính vào tay
 - C. Giảm nguy cơ bội nhiễm vào vết thương
 - D. Giảm nguy cơ lây nhiễm từ vết thương
- Câu 3 :** Sau khi rửa vết thương xong, đặt gòn bao che kín vết thương:
- A. Rộng 3-5cm
 - B. Rộng 6cm
 - C. Rộng 3-4cm
 - D. Rộng 10cm
- Câu 4 :** Biến chứng nào sau đây do xoa bóp tim ngoài lồng ngực gây ra:
- A. Tràn dịch màng tim
 - B. Nhồi máu cơ tim
 - C. Vỡ xương ức
 - D. Vỡ xương sườn
- Câu 5 :** Trong kỹ thuật mang găng tay vô khuẩn: khi mang chiếc găng đầu tiên người cán bộ y tế KHÔNG được:
- A. Chạm vào mặt ngoài của găng
 - B. Chạm vào mặt trong của găng
 - C. Chạm vào mặt ngoài cổ găng
 - D. Lòn tay vào cổ găng để kéo găng
- Câu 6 :** Trong khi đang rửa dạ dày, nếu có máu chảy ra theo nước, điều dưỡng phải:
- A. Ngưng rửa và báo bác sỹ
 - B. Rửa cho đến khi hết thấy máu ra mới ngưng rửa
 - C. Vẫn tiếp tục rửa và đồng thời báo bác sỹ xem
 - D. Rửa cho đến khi hết thấy máu ra và báo bác sỹ
- Câu 7 :** Chỉ định thông tiểu thường:
- A. Bí tiểu
 - B. Hôn mê
 - C. Nhiễm trùng niệu đạo
 - D. Liệt cơ vòng
- Câu 8 :** Tần số mạch bình thường ở trẻ 1 tuổi là:
- A. 70 – 80 l/p
 - B. 130 – 140 l/p
 - C. 90 – 100 l/p
 - D. 100 – 120 l/p
- Câu 9 :** Trước khi truyền máu người điều dưỡng cần kiểm tra những thông tin như sau:
- A. Họ, tên, tuổi người bệnh
 - B. Số nhập viện, số giường, số phòng
 - C. Bệnh sử
 - D. Họ, tên, tuổi người bệnh, số nhập viện, số giường, số phòng
- Câu 10 :** Khi người bệnh bị tai biến do truyền máu, việc đầu tiên điều dưỡng cần làm là:
- A. Báo với bác sỹ điều trị
 - B. Ngưng ngay việc truyền máu
 - C. Lấy mạch, huyết áp người bệnh
 - D. Báo với ngân hàng máu
- Câu 11 :** Dùng dịch nào sau đây dùng để sát khuẩn vết thương có chỉ khâu:
- A. Cồn 70⁰
 - B. Nước muối sinh lý
 - C. Oxy già
 - D. Betadine 10%
- Câu 12 :** Thời gian và nhiệt độ để diệt khuẩn bằng phương pháp hấp ướt:
- A. 121⁰C trong 20-30 phút
 - B. 160⁰C trong 2 giờ
 - C. 130⁰C trong 30 phút
 - D. 170⁰C trong 1 giờ
- Câu 13 :** Chỉ định truyền máu đối với người mắc bệnh:
- A. Hen phế quản
 - B. Bỏng
 - C. Nhiễm khuẩn, nhiễm độc nặng
 - D. Huyết áp cao
- Câu 14 :** Nguyên nhân gây thiếu oxy:
- A. Thiếu máu
 - B. Chấn thương ngực, cột sống
 - C. Sống ở những độ cao 700m
 - D. A và B đúng
- Câu 15 :** Trường hợp nào KHÔNG được thông tiểu:
- A. Bí tiểu thường xuyên
 - B. U xơ tuyến tiền liệt
 - C. Dập rách niệu đạo
 - D. Trước khi sanh

- Câu 16 :** Trường hợp nào sau đây KHÔNG áp dụng thổi ngạt:
- A. Đuối nước B. Ngạt do khí độc C. Thất cổ tự tử D. Điện giật
- Câu 17 :** Nhịp thở bình thường đối với trẻ sơ sinh là:
- A. 20 – 28 l/p B. 40 – 60 l/p C. 30 – 40 l/p D. 14 – 18 l/p
- Câu 18 :** Trước khi soạn dụng cụ thực hiện kỹ thuật tiêm thuốc, người điều dưỡng cần rửa tay:
- A. Sát khuẩn tay bằng cồn 70⁰C B. Nội khoa
C. Ngoại khoa D. Nhanh
- Câu 19 :** Trường hợp nào sau đây có chỉ định rửa dạ dày cho người bệnh:
- A. Ngộ độc sau 6 giờ B. Uống nhầm acid kiềm mạnh
C. Ngộ độc rượu nặng D. Thủng dạ dày
- Câu 20 :** Trong kỹ thuật đo huyết áp động mạch, Huyết áp tối đa xác định khi xả hơi đến thời điểm:
- A. Nghe tiếng đập cuối cùng B. Nghe tiếng đập thay đổi âm sắc
C. A và B đúng D. A và B sai
- Câu 21 :** Vấn đề nào sau đây KHÔNG phải là mục đích của thay băng vết thương:
- A. Phòng chống sốc B. Phòng ngừa nhiễm khuẩn
C. Hạn chế sự chảy máu D. Làm sạch vết thương
- Câu 22 :** Công đoạn đầu tiên trong quá trình xử lý dụng cụ chịu nhiệt là:
- A. Lau dầu B. Cọ rửa dụng cụ
C. Ngâm trong dung dịch khử khuẩn D. Chà rửa bằng xà phòng
- Câu 23 :** Thời gian lưu kim luôn trong cùng vị trí là:
- A. 72 giờ B. 36 giờ C. 48 giờ D. 24 giờ
- Câu 24 :** Phương pháp tiệt khuẩn thích hợp đối với đồ vải, bông băng:
- A. Dùng sức nóng ướt B. Đun sôi 100⁰C trong 20 phút
C. Dùng sức nóng khô D. Ngâm hóa chất trong 10 giờ
- Câu 25 :** “Chậm” trong nguyên tắc “hai nhanh một chậm” của kỹ thuật tiêm là:
- A. Bơm thuốc B. Rút kim C. Đâm kim D. Sát khuẩn da
- Câu 26 :** Nẹp cố định gãy xương có chiều dài tối thiểu là:
- A. Bằng chiều dài của đoạn xương gãy
B. Phải qua được 2 đầu khớp của xương gãy
C. Không che kín đoạn xương gãy
D. Bằng chiều dài chi gãy.
- Câu 27 :** Đây là những dấu hiệu của người bệnh thiếu oxy, NGOẠI TRỪ:
- A. Tăng trương lực cơ B. Khó thở
C. Da xanh niêm nhạt màu D. Độ bão hòa trong động mạch giảm
- Câu 28 :** Biện pháp cầm máu, đơn giản khi KHÔNG có phương tiện cầm máu là:
- A. Ấn động mạch B. Băng ép C. Băng nút D. Gập chi tối đa
- Câu 29 :** Quá trình tiêu diệt hoặc ngăn chặn sự phát triển của vi khuẩn và các mầm bệnh trên da, niêm mạc được gọi là:
- A. Sát khuẩn B. Khử khuẩn C. Làm sạch D. Tiệt khuẩn
- Câu 30 :** Thời gian trung bình ngâm dụng cụ bằng kim loại trong dung dịch khử khuẩn:
- A. 20 phút B. 5 phút C. 30 phút D. 15– 20 phút
- Câu 31 :** Đối với ống thông dùng cho người bệnh thở oxy một mũi, phải thay:
- A. 12 giờ/1lần B. 6 giờ/1lần. C. 8 giờ/1lần D. 10 giờ/1lần
- Câu 32 :** Nếu vết thương ở ngực có tiếng phì phò ta xử trí:
- A. Khâu ngay vết thủng lại
B. Băng ép thật chặt vết thương lại
C. Bôi ngay mỡ kháng sinh bịt kín lại
D. Đặt gạc vào vết thương ấn nhẹ tạo thành cái nút bên ngoài, phủ một miếng gạc rồi băng lại
- Câu 33 :** Mục đích của mang găng vô khuẩn:
- A. Bảo vệ cho người bệnh

- B. Tránh đưa vi khuẩn vào cơ thể thầy thuốc
 C. Bảo vệ cho người cán bộ y tế
 D. Bảo vệ người bệnh và nhân viên y tế
- Câu 34 :** Đối với người lớn mạch nhanh khi tần số mạch trên:
 A. 90 l/p B. 80 l/p C. 100 l/p D. 70 l/p
- Câu 35 :** Rửa tay ngoại khoa được áp dụng trong trường hợp trước khi tiến hành:
 A. Kỹ thuật truyền máu B. Kỹ thuật thông tiểu
 C. Tiêm thuốc vào cơ bắp D. Phẫu thuật
- Câu 36 :** Khoảng cách đo ống thông đối với người bệnh thở oxy một mũi:
 A. Mũi ức đến dái tai B. Miệng đến dái tai
 C. Mũi ức đến miệng D. Cánh mũi đến dái tai
- Câu 37 :** Khi thực hiện thao tác rút thuốc trong kỹ thuật tiêm bắp, kiểm tra lần 1 khi:
 A. Lấy lọ thuốc B. Tiêm thuốc cho người bệnh
 C. Bỏ vỏ ống thuốc D. Sát khuẩn đầu ống thuốc
- Câu 38 :** Biện pháp phòng sốc đơn giản khi nạn nhân chảy máu là:
 A. Truyền dịch B. Chích Adrenalin C. Truyền máu D. Uống trà đường
- Câu 39 :** Dùng dịch dùng để rửa vết thương sùi bọt khi gặp bản là:
 A. Cồn 70⁰ B. Oxy già C. Cồn 90⁰ D. Audakin e
- Câu 40 :** Tổng thời gian mỗi lần hút thông đường hô hấp trên tối đa là:
 A. 3 phút B. 6 phút C. 4 phút D. 5 phút
- Câu 41 :** Để xác định nạn nhân ngưng thở, cấp cứu viên cần làm:
 A. Quan sát cử động lên xuống của lồng ngực
 B. Áp sát tai vào lồng ngực
 C. Áp sát tai vào mũi nạn nhân
 D. Dùng ngón tay áp sát vào mũi nạn nhân
- Câu 42 :** Đối với vết thương rộng và sâu, chỉ khâu vết thương trong thời gian trước:
 A. 6 giờ B. 8 giờ C. 10 giờ D. 12 giờ
- Câu 43 :** Trong quá trình đặt ống rửa dạ dày, nếu người bệnh có nôn và tuột ống ra thì điều dưỡng phải:
 A. Ngưng rửa và báo bác sỹ
 B. Đặt lại ống, tiếp tục rửa sau vài phút
 C. Báo thân nhân người bệnh biết
 D. Cho người bệnh uống nhiều nước
- Câu 44 :** Thời gian mỗi lần hút thông đường hô hấp trên tối đa là:
 A. 10 giây B. 20 giây C. 15 giây D. 25 giây
- Câu 45 :** Khi thực hiện kỹ thuật rửa bàng quang, điều dưỡng cần lưu ý:
 A. Báo bác sỹ ngay khi thấy nước rửa có máu
 B. Cho người bệnh nằm đúng tư thế
 C. Nước rửa ra trong mới ngưng rửa
 D. Giữ người bệnh được kín đáo
- Câu 46 :** Mang găng tay khi thực hiện đường tiêm tiếp xúc với máu là nội dung an toàn cho:
 A. Người bệnh B. Môi trường
 C. Người tiêm D. Người xử lý chất thải
- Câu 47 :** Người bệnh bí tiểu cầu bàng quang căng to, khi thông tiểu điều dưỡng cần lưu ý:
 A. Bàng quang giảm áp lực đột ngột B. Chảy máu bàng quang
 C. Không lấy nước tiểu hết một lần D. Cho nước tiểu chảy ra từ từ
- Câu 48 :** Biểu hiện nạn nhân ngưng thở, điều nào sau đây KHÔNG đúng:
 A. Ngưng thở hoặc khó thở B. Vã mồ hôi
 C. Da xanh, tím tái D. Lồng ngực không di động
- Câu 49 :** Loại bơm tiêm thích hợp tiêm trong da:
 A. 5ml B. 10ml C. 3ml D. 1ml
- Câu 50 :** Ống thông thường được áp dụng cho người bệnh thở oxy hai mũi:
 A. Catheter B. Cannula C. Levine D. Faucher

- Câu 51 :** Dung dịch nào sau đây được gọi là dung dịch ưu trương:
- A. NaCl 9% B. Lactat ringer C. Glucose 30% D. Glucoza 5%
- Câu 52 :** Tần số mạch bình thường ở người trưởng thành là:
- A. 100 – 120 l/p B. 70 – 80 l/p C. 130 – 140 l/p D. 90 – 100 l/p
- Câu 53 :** Khi cho người bệnh thở oxy cần phòng ngừa các biến chứng, NGOẠI TRỪ:
- A. Cháy nổ B. Thiếu máu C. Xẹp phổi D. Mù mắt
- Câu 54 :** Khi trẻ sơ sinh sặc nước ối, điều dưỡng sẽ thực hiện kỹ thuật nào sau đây:
- A. Rửa dạ dày B. Hút thông đường hô hấp trên
C. Chườm nóng khô D. Thở oxy
- Câu 55 :** Trường hợp thông tiểu thường, điều dưỡng dùng ống thông:
- A. Foley B. Malecot C. Nelaton D. Levin
- Câu 56 :** Nói về kỹ thuật đếm mạch, điều nào sau đây KHÔNG đúng:
- A. Vị trí bắt là động mạch quay
B. Đếm trọn mạch trong 1 phút
C. Thông báo cho người bệnh trước khi đếm
D. Không sử dụng ngón tay cái để bắt mạch
- Câu 57 :** Dung dịch nào sau đây dùng để rửa vết thương sạch tốt nhất:
- A. Thuốc tím B. Nước muối sinh lý
C. Cồn 70⁰ D. Oxy già
- Câu 58 :** Thời gian bảo quản đối với dụng cụ được áp dụng bằng phương pháp khử khuẩn ngâm hóa chất 20 phút chưa mở là:
- A. 3 ngày B. 24 giờ C. 12 giờ D. 7 ngày
- Câu 59 :** Trong sơ cứu, tình huống đe dọa nạn nhân lớn nhất là:
- A. Đau nhiều B. Gãy xương lớn C. Gãy xương D. Chảy máu
- Câu 60 :** Phản ứng sinh vật được áp dụng trong trường hợp:
- A. Truyền dịch B. Tiêm tĩnh mạch
C. Cho trẻ uống sabin D. Truyền máu
- Câu 61 :** Máu chảy thành mảng máu tụ bầm tím là biểu hiện tổn thương:
- A. Tĩnh mạch B. Tiểu tĩnh mạch C. Động mạch D. Mao mạch
- Câu 62 :** Khi cho người bệnh thở oxy qua mask, thời gian cần kiểm tra mask là:
- A. Mỗi 1 – 2 giờ B. Mỗi 7 – 8 giờ C. Mỗi 5 – 6 giờ D. Mỗi 3 - 4 giờ
- Câu 63 :** Hãy xác định một triệu chứng có giá trị nhất trong các triệu chứng sau đây để chẩn đoán gãy xương chi:
- A. Có phản ứng nhẹ khi khám B. Chi gãy biến dạng
C. Sưng hoặc phù nề D. Đau ở chỗ chấn thương
- Câu 64 :** Dung dịch nào sau đây được gọi là dung dịch đẳng trương:
- A. Glucose 30% B. Panthogen C. Glucose 5% D. Nacl 10%
- Câu 65 :** Phương pháp sơ cứu vết thương bằng chỉ khâu áp dụng đối với:
- A. Vết thương sâu, mép vết thương xa nhau
B. Bề mặt vết thương rộng
C. Vết thương sâu
D. Vết thương nham nhở
- Câu 66 :** Loại gãy xương nào nguy hiểm và để lại di chứng cao trong các loại gãy xương sau đây:
- A. Xương đùi B. Xương cẳng tay C. Xương cột sống D. Xương cánh tay
- Câu 67 :** Kiểu thở Kussmaul gặp trong trường hợp hôn mê do nguyên nhân nào?
- A. Gan B. Tiểu đường C. Viêm màng não D. Xuất huyết não
- Câu 68 :** Nhiệt độ cơ thể là 39⁰C tương ứng với nhiệt độ F là:

- A. 99,2⁰F B. 100,2⁰F C. 112,2⁰F D. 102,2⁰F
- Câu 69 :** Trong kỹ thuật cắt chỉ, thao tác đặt miếng gạc gần vết thương có ý nghĩa:
- A. Che chở vết khâu
B. Đảm bảo vô khuẩn trong kỹ thuật cắt chỉ
C. Kiểm tra mỗi chỉ dễ dàng
D. Để quan sát mỗi chỉ rõ ràng và để tránh bỏ sót mỗi chỉ trong khi cắt
- Câu 70 :** Y lệnh truyền Lactatringler 500ml TTM L giọt/ phút (loại dây 20 giọt/1ml) thời điểm bắt đầu truyền là 08 giờ sáng, thời điểm hết dịch truyền là:
- A. 11h00 B. 10h00 C. 12h00 D. 11h20
- Câu 71 :** Hai yếu tố chính để xác định nạn nhân sốc do chảy máu là:
- A. Tri giác và nhịp thở B. Nhịp thở và mạch
C. Mạch và huyết áp D. Huyết áp và tri giác
- Câu 72 :** Băng lật lại áp dụng băng vị trí nào trên cơ thể:
- A. Cẳng tay B. Gót chân C. Chi cụt D. Khuỷu tay
- Câu 73 :** Khi rửa dạ dày, người bệnh sẽ bị biến chứng nào sau đây:
- A. Tổn thương thực quản B. Hẹp môn vị
C. Chảy máu niêm mạc D. Nhiễm khuẩn
- Câu 74 :** Phân lập và cô lập ngay các vật sắc nhọn sau khi dùng đúng quy định là nội dung của mũi tiêm an toàn cho:
- A. Môi trường và người xử lý chất thải B. Người tiêm
C. Môi trường D. Người bệnh
- Câu 75 :** Hút thông đường hô hấp được áp dụng trong trường hợp nào sau đây?
- A. Viêm amidan mũi B. Người bệnh mở khí quản
C. Người bệnh ung thư vòm họng D. Viêm thành sau họng
- Câu 76 :** Thời gian bảo quản đối với dụng cụ được tiệt khuẩn đã mở là:
- A. 24 giờ B. 7 ngày C. 3 ngày D. 12 giờ
- Câu 77 :** Khi thổi ngạt, cấp cứu viên cần quan sát dấu hiệu nào trên nạn nhân:
- A. Nhịp thở B. Di động lồng ngực
C. Tri giác D. Da niêm
- Câu 78 :** Khi thực hiện thao tác rút thuốc trong kỹ thuật tiêm bắp, kiểm tra lần 2 khi:
- A. Rút thuốc B. Bỏ vỏ ống thuốc
C. Tiêm thuốc cho người bệnh D. Sát khuẩn đầu ống thuốc
- Câu 79 :** Để an toàn cho môi trường và người xử chất thải, khi chất thải vừa mới phát sinh người phân loại chất thải nên:
- A. Mang găng khi cho chất thải vào dụng cụ chứa chất thải
B. Có hộp đựng chất thải sắc nhọn gần nơi tiêm
C. Rửa tay, sát khuẩn tay nhanh trước khi tiếp xúc với chất thải
D. Để chất thải đầy 3/4 hoặc tới vạch qui định của dụng cụ chứa chất thải
- Câu 80 :** Thông thường vết thương thẩm mỹ sẽ cắt chỉ sau:
- A. 1- 2 ngày B. 7 -10 ngày C. 5-7 ngày D. 3-5 ngày
- Câu 81 :** Biến chứng nào do thổi ngạt gây ra:
- A. Phù phổi cấp B. Giãn phế quản
C. Tràn khí màng phổi D. Tràn dịch màng phổi
- Câu 82 :** Đối với vết thương lớn, có nhiều bụi bẩn, đất cát người sơ cứu nên:
- A. Lấy hết dị vật, bụi bẩn, đất cát ra khỏi vết thương khi có thể lấy dễ dàng
B. Không thăm dò vết thương
C. Lấy hết dị vật, bụi bẩn, đất cát ra khỏi vết thương
D. Chỉ lấy bụi bẩn ra khỏi vết thương
- Câu 83 :** Vị trí thường dùng tiêm dưới da:
- A. 1/3 dưới cơ Delta B. Cánh tay
C. Cơ thẳng bụng D. Đùi
- Câu 84 :** Sự tiêu diệt hoàn toàn các vi sinh vật được gọi là:
- A. Tiệt khuẩn B. Kim khuẩn C. Vô khuẩn D. Khử khuẩn
- Câu 85 :** Biến chứng nào sau đây thường gặp trong kỹ thuật hút thông đường hô hấp:

- A. Nhiễm khuẩn
B. Chảy máu niêm mạc
C. Loét niêm mạc mũi
D. Tổn thương thực quản
- Câu 86 :** Khi tiến hành rửa dạ dày cần phải đặt người bệnh nằm ở tư thế nào?
A. Đầu thấp
B. Đầu bằng
C. Đầu cao
D. Nửa nằm, nửa ngồi.
- Câu 87 :** Cắt chỉ vết thương trong trường hợp vết thương :
A. Lành
B. Thẩm dịch tiết
C. Vô khuẩn
D. Lành đến ngày cắt chỉ
- Câu 88 :** Trong các thao tác rửa tay nội khoa sau đây, thao tác nào cần thực hiện đầu tiên:
A. Miết mạnh các kẽ ngón tay
B. Xoay đầu ngón tay vào lòng bàn tay
C. Chà lòng bàn tay này lên lưng bàn tay kia
D. Chà hai lòng bàn tay vào nhau
- Câu 89 :** ① Khoá ốc vít quả bóng cao su - ② Bơm hơi - ③ Đặt ống nghe vào tai. Trình tự các thao tác trong kỹ thuật đo huyết áp động mạch:
A. ①-③-②
B. ②-①-③
C. ②-③-①
D. ③-②-①
- Câu 90 :** Thời gian mang khẩu trang tối đa:
A. 8 giờ
B. 2 giờ
C. 24 giờ
D. 3 giờ
- Câu 91 :** Ống thông thường được áp dụng để rửa dạ dày cho người lớn là:
A. Ống Catheter
B. Ống Faucher
C. Ống Levine
D. Ống Foley
- Câu 92 :** Phiếu Garo được ghi bằng mực màu gì?
A. Đen
B. Tím
C. Đỏ
D. Xanh
- Câu 93 :** ① Chà lòng bàn tay vào nhau - ② Dùng bàn tay này xoay ngón tay cái của bàn tay kia - ③ Chà lòng bàn tay này lên lưng bàn tay kia. Trình tự các thao tác trong kỹ thuật rửa tay nội khoa:
A. ①-②-③
B. ③-①-②
C. ①-③-②
D. ③-②-①
- Câu 94 :** Người bệnh có vết thương sâu dính nhiều đất, cát và đang chảy máu. Chọn dung dịch nào để rửa vết thương:
A. Nước muối sinh lý
B. Betadine 10%
C. Thuốc tím
D. Oxy già
- Câu 95 :** Biểu hiện của chảy máu động mạch là khi máu:
A. Chảy rỉ rã
B. Chảy từ từ
C. Tụ thành mảng bầm tím
D. Phún thành tia
- Câu 96 :** Dẫn lưu nước tiểu cho người bệnh KHÔNG được lưu ống thông quá:
A. 4 ngày
B. 7 ngày
C. 10 ngày
D. 5 ngày
- Câu 97 :** Ống thông thường được áp dụng cho người bệnh thở oxy một mũi:
A. Catheter
B. Cannula
C. Levine
D. Faucher
- Câu 98 :** Chăm sóc trẻ sốt cao co giật, điều nào sau đây KHÔNG đúng:
A. Cho trẻ mặc quần áo thoáng mát
B. Không cho trẻ ăn uống gì sau khi hết co giật
C. Lau mát tích cực bằng nước ấm
D. Dùng thuốc hạ sốt
- Câu 99 :** Tai biến thường gặp nhất khi thông tiểu:
A. Đau
B. Chảy máu
C. Nghẹt ống
D. Thủng bàng quang
- Câu 100 :** Băng số 8 được áp dụng để băng vùng nào trên cơ thể:
A. Ngón tay
B. Gót chân
C. Bàn tay
D. Đầu
- Câu 101 :** Danh từ dùng để chỉ biện pháp phòng ngừa sự xâm nhập của vi khuẩn và các mầm bệnh:
A. Tiệt khuẩn
B. Khử khuẩn
C. Vô khuẩn
D. Khử khuẩn ở mức độ cao
- Câu 102 :** ① Kiểm tra nhiệt kế - ② Lau khô hõm nách người bệnh - ③ Vẩy nhiệt kế để mực thủy ngân xuống dưới 35⁰C. Trình tự các thao tác trong kỹ thuật đo thân nhiệt ở nách:
A. ③-①-②
B. ②-①-③
C. ②-③-①
D. ③-②-

- Câu 103 :** Khi cầm dịch truyền, chai dịch truyền KHÔNG được để quá:
A. 8 giờ **B.** 12 giờ **C.** 24 giờ **D.** 48 giờ
- Câu 104 :** Nạn nhân ngưng thở, sau khi hồi phục cấp cứu viên cần:
A. Theo dõi sát nạn nhân **B.** Tuyệt đối không cho nạn nhân ăn uống
C. Chuyển ngay nạn nhân đến cơ sở y tế **D.** Cho nghỉ ngơi tại chỗ
- Câu 105 :** Quá trình tiêu diệt phần lớn các vi khuẩn và mầm bệnh bám vào dụng cụ vừa mới sử dụng xong được gọi là:
A. Tiệt khuẩn **B.** Sát khuẩn **C.** Làm sạch **D.** Khử khuẩn
- Câu 106 :** Đối với người lớn mạch chậm khi tần số mạch dưới:
A. 80 l/p **B.** 70 l/p **C.** 60 l/p **D.** 90 l/p
- Câu 107 :** ①Đánh cọ cẳng tay - ②Đánh cọ đầu, kẽ ngón tay - ③Đánh cọ lòng, lưng bàn tay. Trình tự các thao tác trong kỹ thuật rửa tay ngoại khoa:
A. ③-②-① **B.** ①-③-② **C.** ①-②-③ **D.** ②-③-①
- Câu 108 :** Thổi ngạt là thổi một lượng khí vào cơ quan nào của nạn nhân:
A. Hâu họng **B.** Khí quản **C.** Phổi **D.** Thực quản
- Câu 109 :** Trường hợp nào sau đây chống chỉ định rửa dạ dày cho người bệnh:
A. Hẹp môn vị **B.** Phình động mạch chủ
C. Nôn không cầm **D.** Tăng tiết dịch dạ dày
- Câu 110 :** Thao tác đúng trong kỹ thuật tiêm tĩnh mạch:
A. Kéo căng da trước khi đâm kim **B.** Sát khuẩn vùng tiêm từ trên xuống
C. Bơm thuốc xong thì tháo garot **D.** Buột garot trên nơi tiêm 3-5cm
- Câu 111 :** Để giúp vết thương sạch lên mô hạt tốt, ta dùng:
A. Dầu mù u **B.** Eaudakin
C. Betadine 10% **D.** Nước muối sinh lý
- Câu 112 :** Người bệnh nam, 78 tuổi, phẫu thuật thủng dạ dày, vết mổ giữa bụng dài # 20cm. Thời gian chỉ định cắt chỉ đối với người bệnh này:
A. 7 ngày, cắt bỏ mối **B.** 10 ngày
C. 7 ngày **D.** 5 ngày
- Câu 113 :** ①Căng da - ②Xác định vị trí tiêm - ③Đuổi khí. Trình tự các thao tác trong kỹ thuật tiêm bắp:
A. ②-③-① **B.** ③-①-② **C.** ③-②-① **D.** ①-②-③
- Câu 114 :** Phản ứng chéo tại giường có ý nghĩa:
A. Kiểm tra sự hòa hợp giữa người cho và người nhận
B. Xác định nhóm máu người nhận
C. Xác định nhóm máu người cho và người nhận
D. Xác định nhóm máu người cho
- Câu 115 :** Kỹ thuật đưa kim vào bắp thịt sâu:
A. 61° - 65° so với mặt da **B.** 30° so với mặt da
C. 90° so với mặt da **D.** 45° so với mặt da
- Câu 116 :** Thổi ngạt cho trẻ nhỏ, cấp cứu viên cần thổi lượng khí:
A. Ngắn, tốc độ nhanh **B.** Dài, tốc độ nhanh
C. Dài, tốc độ chậm **D.** Ngắn, tốc độ chậm
- Câu 117 :** Phương pháp hấp khô chỉ sử dụng cho dụng cụ y tế bằng:
A. Thủy tinh **B.** Nhựa
C. Kim loại **D.** Đồ vải bông băng
- Câu 118 :** Việc làm đầu tiên của người điều dưỡng khi người bệnh khó thở là:
A. Báo bác sĩ **B.** Hút đàm nhớt
C. Cho người bệnh nằm đầu cao **D.** Cho thở oxy
- Câu 119 :** Khi cho người bệnh thở oxy qua ống thông mũi hầu, người bệnh sẽ bị biến chứng nào sau đây:

- A. Dùng kéo cắt lọc vết thương, không khâu da
- B. Rửa xung quanh vết thương bằng lại, chuyển lên tuyến trên
- C. Băng vết thương lại, chuyển ngay lên tuyến trên
- D. Dùng gạc vô khuẩn để thăm dò vết thương

Câu 136 : ①Chà mặt ngoài ngón bàn tay này vào lòng bàn tay kia - ②Xoay các đầu ngón tay này vào lòng bàn tay kia - ③Miết mạnh kẽ trong các ngón. Trình tự các thao tác trong kỹ thuật rửa tay nội khoa:

- A. ①-②-③
- B. ①-③-②
- C. ③-①-②
- D. ③-②-①

Câu 137 : Khi rút ống thông Foley, điều dưỡng cần lưu ý:

- A. Gập ống lại rút ra
- B. Rút hết nước trong bong bóng
- C. Rút ống ra khi hết nước tiểu
- D. Theo chỉ định của bác sĩ

Câu 138 : Trong sơ cứu gãy xương, các việc sau đây việc nào cần làm ngay:

- A. Dùng kháng sinh
- B. Cho uống nước trà ấm
- C. Tiêm thuốc giảm đau
- D. Bất động bằng nẹp

Câu 139 : Trường hợp nào huyết áp kẹp:

- A. 110/ 80 mmHg
- B. 140/ 90 mmHg
- C. 90/60 mmHg
- D. 110/ 90 mmHg

Câu 140 : Y lệnh truyền Cavaplasma 5% 250 ml TTM XXX giọt/ phút (loại dây 20 giọt/ 1ml), thời điểm bắt đầu là 15 giờ, thời điểm kết thúc là:

- A. 17h7 phút
- B. 18h5 phút
- C. 17h00
- D. 19h00

Câu 141 : Biến chứng thường xảy ra khi để bọt khí lọt vào tĩnh mạch là:

- A. Xơ cứng động mạch
- B. Tắc mạch
- C. Phù phổi cấp
- D. Tràn khí màng phổi

Câu 142 : Phương pháp tiệt khuẩn thích hợp đối với dụng cụ bằng kim loại:

- A. Ngâm hóa chất trong 10 giờ
- B. Dùng sức nóng khô
- C. Đun sôi 100⁰C trong 20 phút
- D. Dùng sức nóng ướt

Câu 143 : Trường hợp vết thương bụng ruột bị lòi ra ngoài, ta phải xử trí ngay:

- A. Bội mỡ kháng sinh lên đoạn ruột lòi ra
- B. Ấn phần ruột lòi ra ngoài vào trong bụng
- C. Phủ miếng gạc có tẩm nước muối sinh lý lên
- D. Sát khuẩn lên đoạn ruột lòi ra

Câu 144 : Garô cầm máu, điều nào sau đây KHÔNG đúng:

- A. Đặt Garo trên vết thương
- B. Sau 15 – 30 phút nói garo 1 lần
- C. Nói garo từ từ
- D. Thời gian 1 lần nói không quá 20 phút

Câu 145 : ①Rửa tay thường quy - ②Rửa tay ngoại khoa - ③Mặc áo choàng vô khuẩn. Trình tự các thao tác trong kỹ thuật rửa tay ngoại khoa:

- A. ①-③-②
- B. ③-①-②
- C. ①-②-③
- D. ③-②-①

Câu 146 : Nạn nhân ngưng thở, biểu hiện tri giác nạn nhân là:

- A. Hôn mê
- B. Nói sáng
- C. Tỉnh
- D. Lơ mơ

Câu 147 : Vị trí thường tiêm trong da để thử phản ứng thuốc:

- A. Mặt trong cánh tay
- B. 1/3 trên trước trong cẳng tay
- C. 1/3 mặt ngoài cánh tay
- D. Mặt trong đùi

Câu 148 : Tư thế người bệnh khi đặt thông tiểu nữ là nằm ngửa 2 chân:

- A. Dang ra
- B. Chông dang ra
- C. Một bên
- D. Thẳng

Câu 149 : Nếu dịch thấm vào băng đã khô thì trước khi rửa vết thương phải:

- A. Tháo băng bằng kèm sạch
- B. Tưới dung dịch sát khuẩn
- C. Gấp gòn thấm băng
- D. Sát khuẩn bằng betadine 10%

--- Hết ---